

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

(Các đương sự có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Năm 1999, bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn H xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Long An ngày 21/7/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến cãi vã. Bà L và ông H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn H chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/7/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H đồng ý theo yêu cầu ly hôn của bà L. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại xã T, huyện B về việc tranh chấp “Ly hôn”. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

[2]. Bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn H có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn H theo qui định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp:

[3]. Bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn H xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Long An ngày 21/7/2000 theo qui định. Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Trong quá trình nộp đơn khởi kiện, bà L cho rằng

giữa bà L và ông H đã phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng không H hợp với nhau về mọi mặt và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không ai còn quan tâm đến nhau. Ông H cũng đồng ý trước yêu cầu ly hôn của bà L. Xét thấy, hôn nhân của bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

[5]. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn H cùng thống nhất xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn H cùng thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điểm a khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim L đối với ông Nguyễn Văn H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009786 ngày 26/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B chuyển sang án phí.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Nga